



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

THERĪGĀTHĀPĀḶI

&

TẠNG KINH - TIỂU BỘ

TRƯỜNG LÃO NI KỆ

9. NAVAKANIPĀTO

62.

204. Mā su te vaḍḍha lokamhi vanatho ahu kudācanam,
mā puttaka punappunam ahu dukkhassa bhāgimā.
205. Sukham hi vaḍḍha munayo anejā chinnaśamsayā,
sītibhūtā damappattā viharanti anāsavā.
206. Tehānuciṇṇam isihi maggaṃ dassanapattiyā,
dukkhassantakiriyāya tvaṃ vaḍḍha anubrūhaya.
207. Visāradāva bhaṇasi etamattham janetti me,
maññāmi nūna māmike vanatho te na vijjati.
208. Ye keci vaḍḍha saṅkhārā hīnā ukkaṭṭhamajjhimā,
aṇūpi aṇumattopi vanatho me na vijjati.
209. Sabbe me āsavā khīṇā appamattassa jhāyato,
tisso vijjā anuppattā kataṃ buddhassa sāsanaṃ.
210. Uḷāraṃ vata me mātā patodaṃ samavassarī,
paramatthasaṃhitā¹ gāthā yathāpi anukampikā.
211. Tassāhaṃ vacanaṃ sutvā anusitṭhiṃ janettiyā,
dhammasaṃvegamāpādiṃ yogakkhemassa pattiyā.
212. Sohaṃ padhānapahitatto rattindivamatandito,
mātarā codito santo aphaṣiṃ santimuttaman ”ti.

Itthaṃ sudaṃ vaḍḍhamātā therī gāthāyo abhāsī ”ti.

Vaḍḍhamātātherīgāthā.

Navakanipāto niṭṭhito.

--ooOoo--

¹ paramatthasaṃhitā - Ma, Syā; paramatthasaṃñitā - PTS.

9. NHÓM CHÍNH

62.

204. “Này Vaḍḍha, con chớ có tham ái về thế gian vào bất cứ lúc nào. Này con trai bé bỏng, con chớ dự phần vào khổ đau lần này lần khác.

205. Này Vaḍḍha, các bậc hiền trí, không còn dục vọng, có các nghi ngờ đã được cắt đứt, có trạng thái mát mẻ, đã đạt đến sự thuần phục, sống một cách thật sự an lạc, không còn lậu hoặc.

206. Này Vaḍḍha, con hãy đeo đuổi đạo lộ đã được các bậc ẩn sĩ ấy thực hành nhằm đạt đến sự nhận thức, nhằm thực hiện việc chấm dứt khổ đau.’

207. ‘Thưa đấng sanh thành, mẹ vô cùng tự tin khi nói điều này với con. Thưa mẹ, con nghĩ rằng tham ái chắc chắn không còn tìm thấy ở nơi mẹ.’

208. ‘Này Vaḍḍha, bất cứ các hành nào là thấp thỏi, cao thượng, hay trung bình, tham ái đều rất nhỏ, đều có số lượng rất nhỏ, cũng không tìm thấy ở nơi mẹ.’

209. Trong khi đang tham thiền không bị xao lãng, tất cả các lậu hoặc của tôi đã được cạn kiệt. Ba Minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.¹

210. Cũng giống như người có lòng bi mẫn, mẹ tôi quả thật đã vận dụng cây gậy thúc tuyệt vời, (đó là) những câu kệ ngôn gắn liền với mục đích tối hậu.

211. Sau khi lắng nghe lời nói của mẹ, lời nhắc nhở của đấng sanh thành, tôi đã đạt đến sự chấn động trong Giáo Pháp, đưa đến sự an toàn khỏi các trôi buộc.

212. Tôi đây, có sự ra sức, có bản tánh cương quyết, ngày và đêm không biếng nhác, trong khi được người mẹ khích lệ, tôi đã chạm đến sự An Tĩnh tối thượng.”

Trưởng lão ni Vaḍḍhamātā (mẹ của Vaḍḍha) đã nói những lời kệ như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão ni Vaḍḍhamātā.

Nhóm Chính được chấm dứt.

--ooOoo--

¹ Chú Giải ghi rằng câu kệ này là của người mẹ với lời giải thích về sự thay đổi tánh ở nhóm từ “*appamattassa jhāyato*” (ThigA. 167).